

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO  
BÌ BIÊN HÒA  
BIEN HOA PACKAGING  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 62/SVI-2024  
No.: 62/SVI-2024

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2024  
Dong Nai, day 14 month 08 year 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY  
- Mã chứng khoán/Stock code: SVI  
- Địa chỉ/Address: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.  
- Điện thoại/Tel.: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: [ducph@sovi.com.vn](mailto:ducph@sovi.com.vn)
- Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:  
Báo cáo tài chính bán niên soát xét tại ngày 30/06/2024 (kèm giải trình) - Công ty CP Bao bì Biên Hòa (SOVI).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 tại [https://sovi.com.vn/?page\\_id=2906](https://sovi.com.vn/?page_id=2906)/ This information was published on the company's website on 14/08/2024, as at [https://sovi.com.vn/?page\\_id=2906](https://sovi.com.vn/?page_id=2906)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

BCTC bán niên soát xét năm 2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC  
Giám đốc tài chính/ CFO



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp** 4703000057  
3600648493

ngày 14 tháng 8 năm 2003  
ngày 3 tháng 5 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 3 tháng 5 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Jakjit Klomsing	Chủ tịch
Ông Sompob Witworrasakul	Phó Chủ tịch
Ông Hirofumi Hori	Thành viên
Ông Toshinobu Sada	Thành viên
Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên
Ông Đình Quang Hùng	Thành viên
Bà Saranya Skontanarak	Thành viên
Ông Amnuay Pattaramongkolkul	Thành viên
Ông Piyapong Jriyasetapong	Thành viên
	(từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)

**Ban Kiểm soát**

Ông Krasame Singhakul	Trưởng ban
Ông Wattana Intachoom	Thành viên
Bà Theamhathai Tibfan	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc điều hành
Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc tài chính

**Người đại diện  
theo Pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

**Trụ sở đăng ký**

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1  
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00486-24-1



Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

184  
T  
I  
A  
B  
H  
H  
i.đ



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>971.307.169.416</b>	<b>943.124.263.576</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>42.953.792.306</b>	<b>52.975.164.596</b>
Tiền	111		42.953.792.306	52.975.164.596
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>459.491.000.000</b>	<b>410.990.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	459.491.000.000	410.990.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>302.249.164.013</b>	<b>321.180.782.509</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	292.221.390.196	311.268.190.210
Trả trước cho người bán	132	7	6.521.332.108	6.568.480.504
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.258.495.136	4.007.003.626
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(752.053.427)	(662.891.831)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>163.937.380.402</b>	<b>156.581.930.590</b>
Hàng tồn kho	141		165.652.242.499	157.372.889.339
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.714.862.097)	(790.958.749)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.675.832.695</b>	<b>1.396.385.881</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	2.666.662.685	1.396.385.881
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	9.170.010	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>283.437.219.259</b>	<b>281.219.974.144</b>
<b>Các khoản phải thu - dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>103.025.000</b>	<b>98.025.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		103.025.000	98.025.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>130.257.436.656</b>	<b>138.718.092.317</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	130.185.503.320	138.637.858.983
Nguyên giá	222		680.262.332.157	674.120.286.278
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(550.076.828.837)	(535.482.427.295)
Tài sản cố định vô hình	227	13	71.933.336	80.233.334
Nguyên giá	228		3.048.022.613	3.048.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.976.089.277)	(2.967.789.279)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>26.074.714.562</b>	<b>12.882.207.253</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	26.074.714.562	12.882.207.253
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>127.002.043.041</b>	<b>129.521.649.574</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	124.450.596.348	127.055.133.444
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.551.446.693	2.466.516.130
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.254.744.388.675</b>	<b>1.224.344.237.720</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>424.302.472.805</b>	<b>394.594.428.588</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>418.616.774.483</b>	<b>388.913.773.081</b>
Phải trả người bán	311	16	288.402.716.488	302.361.261.520
Người mua trả tiền trước	312		73.170.438	21.391.884
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	7.634.171.868	10.933.342.167
Phải trả người lao động	314		9.996.361.618	10.621.264.382
Chi phí phải trả	315	18	26.085.647.294	27.633.084.458
Phải trả ngắn hạn khác	319		3.218.195.163	3.735.609.722
Vay ngắn hạn	320	19	83.206.238.459	33.607.545.793
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	273.155	273.155
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.685.698.322</b>	<b>5.680.655.507</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	5.685.698.322	5.680.655.507
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>830.441.915.870</b>	<b>829.749.809.132</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>830.441.915.870</b>	<b>829.749.809.132</b>
Vốn cổ phần	411	23	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		547.888.129.041	547.196.022.303
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		513.831.686.103	414.775.186.521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		34.056.442.938	132.420.835.782
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.254.744.388.675</b>	<b>1.224.344.237.720</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	711.385.972.266	737.319.646.085
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	(407.943.330)	(1.271.636.744)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>710.978.028.936</b>	<b>736.048.009.341</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	606.861.698.789	600.898.945.492
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>104.116.330.147</b>	<b>135.149.063.849</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	11.551.365.605	16.370.962.545
Chi phí tài chính	22	28	2.114.077.879	5.190.131.034
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.488.344.105	5.019.980.353
Chi phí bán hàng	25	29	47.889.576.481	35.726.215.968
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	22.555.479.976	23.399.923.033
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>43.108.561.416</b>	<b>87.203.756.359</b>
Thu nhập khác	31		1.857.563.779	212.456.666
Chi phí khác	32		546.468.890	497.145.735
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.311.094.889</b>	<b>(284.689.069)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>44.419.656.305</b>	<b>86.919.067.290</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	10.448.143.930	18.606.940.033
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>(84.930.563)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>34.056.442.938</b>	<b>68.312.127.257</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>2.654</b>	<b>5.323</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

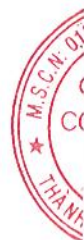
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>44.419.656.305</b>	<b>86.919.067.290</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		15.540.303.593	18.383.242.492
Các khoản dự phòng	03		1.076.114.779	255.136.269
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		461.540.740	(96.097.354)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(129.205.571)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(11.308.938.469)	(16.062.446.602)
Chi phí lãi vay	06		1.488.344.105	5.019.980.353
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>51.547.815.482</b>	<b>94.418.882.448</b>
Biến động các khoản phải thu	09		17.722.008.510	22.107.527.259
Biến động hàng tồn kho	10		(8.279.353.160)	4.515.196.828
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.158.097.217)	(34.074.716.381)
Biến động chi phí trả trước	12		1.334.260.292	2.619.252.710
			<b>53.166.633.907</b>	<b>89.586.142.864</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.461.900.478)	(4.808.316.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.257.218.196)	(17.806.611.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>38.447.515.233</b>	<b>66.971.214.898</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(27.546.149.935)	(1.803.257.270)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		143.629.630	-
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(447.491.000.000)	(152.380.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		398.990.000.000	167.020.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		11.006.632.683	14.023.426.190
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(64.896.887.622)</b>	<b>26.860.168.920</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		222.455.509.502	276.843.198.242
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(172.856.816.836)	(336.922.046.471)
Tiền trả cổ tức	36		(33.364.336.200)	(30.027.902.580)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>16.234.356.466</b>	<b>(90.106.750.809)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(10.215.015.923)</b>	<b>3.724.633.009</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>52.975.164.596</b>	<b>72.529.006.552</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>193.643.633</b>	<b>91.690.923</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>42.953.792.306</b>	<b>76.345.330.484</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Tổng Giám đốc của HOSE với mã chứng khoán là “SVI”.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có một chi nhánh phụ thuộc (1/1/2024: một chi nhánh phụ thuộc).

Chi nhánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 11 tháng 1 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu, và giấy chứng nhận điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 25 tháng 5 năm 2024. Chi nhánh đặt tại Lô B-6A-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 646 nhân viên (1/1/2024: 674 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

6000  
CỘNG  
HỘ P.  
BẮC  
ÊN  
10A -

12  
11  
G  
P  
3

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2  
C  
E  
D  
E  
1  
04  
/H  
T  
N  
10

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	4 năm

T  
À  
B  
Ì  
Ò



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

***(ii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán của báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong kỳ, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ/năm trước.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	111.079.831	158.529.447
Tiền gửi ngân hàng	42.842.712.475	52.816.635.149
	42.953.792.306	52.975.164.596

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng.

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo nhóm khách hàng**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khách hàng lớn (Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam)	77.267.798.776	100.758.273.965
Các khách hàng khác	214.953.591.420	210.509.916.245
	292.221.390.196	311.268.190.210

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	9.870.198.911	7.466.936.180
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	4.922.821.118	1.339.263.136
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	2.623.043.196	3.059.326.800
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	1.009.842.875	896.211.724
Công ty Cổ phần Starprint Việt Nam	560.462.020	-
Công ty TNHH Sản Xuất Bao Bì Packamex (Việt Nam)	52.531.200	38.059.200
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	-	6.966.948.636
Công ty TNHH Ngôi Bê Tông SCG (Việt Nam)	-	49.140.000



MỘT  
H  
T  
M  
HỒ

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**7. Trả trước cho người bán**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Tam Tín	6.138.977.229	-
Công ty TNHH Công Nghiệp PTS	-	6.504.841.108
Các nhà cung cấp khác	382.354.879	63.639.396
	<hr/>	<hr/>
	6.521.332.108	6.568.480.504

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Lãi dự thu	3.939.824.687	3.637.518.901
Đặt cọc	270.100.000	318.100.000
Tạm ứng cho nhân viên	3.600.000	2.000.000
Khác	44.970.449	49.384.725
	<hr/>	<hr/>
	4.258.495.136	4.007.003.626

15/06/2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BÁO BÌ BIÊN HÒA

15/06/2024  
Á T C

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Nợ quá hạn</i>				
▪ Công ty TNHH Kim Bách Tùng	376.934.200	376.934.200	376.934.200	376.934.200
▪ Công ty TNHH Mostly Vietnam Industries	120.395.374	120.395.374	120.395.374	84.276.762
▪ Công ty TNHH Tingo Bình Định	126.550.512	63.275.256	126.550.512	63.275.256
▪ Công ty TNHH Seven Colors	111.506.224	78.054.357	111.506.224	55.753.112
▪ Các khách hàng khác	165.416.722	113.394.240	91.098.890	82.652.501
	900.803.032	752.053.427	826.485.200	662.891.831
		148.749.605		163.593.369

164  
 NG  
 PH  
 VOI  
 NH

184

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

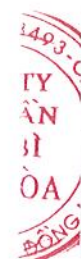
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	662.891.831	1.309.237.093
Trích lập dự phòng trong kỳ	89.161.596	393.433.685
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(181.954.169)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>752.053.427</b>	<b>1.520.716.609</b>

**10. Hàng tồn kho**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang trên đường	4.926.068.583	-	4.078.266.719	-
Nguyên vật liệu	145.236.909.168	-	137.155.938.843	-
Công cụ và dụng cụ	219.476.245	-	259.521.851	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.867.257.002	-	4.156.292.819	-
Thành phẩm	9.415.771.082	(1.714.862.097)	11.560.470.970	(790.958.749)
Hàng hóa	56.388.000	-	-	-
Hàng gửi đi bán	2.930.372.419	-	162.398.137	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>165.652.242.499</b>	<b>(1.714.862.097)</b>	<b>157.372.889.339</b>	<b>(790.958.749)</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	790.958.749	2.150.233.319
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	923.903.348	(227.467.676)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.714.862.097</b>	<b>1.922.765.643</b>



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công cụ và dụng cụ	1.324.713.221	819.742.358
Chi phí bảo hiểm trả trước	17.649.633	28.326.000
Sửa chữa và bảo trì	225.271.608	238.001.293
Khác	1.099.028.223	310.316.230
	2.666.662.685	1.396.385.881

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	122.696.352.739	2.024.568.849	1.340.028.564	994.183.292	127.055.133.444
Tăng trong kỳ	-	196.962.800	600.450.464	192.280.000	989.693.264
Phân bổ trong kỳ	(1.742.980.836)	(626.763.887)	(709.221.106)	(515.264.531)	(3.594.230.360)
Số dư cuối kỳ	120.953.371.903	1.594.767.762	1.231.257.922	671.198.761	124.450.596.348



15/06/2024

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	140.275.426.184	504.664.293.237	17.334.543.871	11.544.892.622	301.130.364	674.120.286.278
Tăng trong kỳ	-	890.740.741	-	37.500.000	-	928.240.741
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	6.165.831.250	-	-	-	6.165.831.250
Thanh lý	-	(952.026.112)	-	-	-	(952.026.112)
Số dư cuối kỳ	140.275.426.184	510.768.839.116	17.334.543.871	11.582.392.622	301.130.364	680.262.332.157
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	81.410.570.199	428.240.188.736	14.822.382.891	10.739.092.605	270.192.864	535.482.427.295
Khấu hao trong kỳ	2.882.164.908	11.685.398.505	657.442.168	300.810.514	6.187.500	15.532.003.595
Thanh lý	-	(937.602.053)	-	-	-	(937.602.053)
Số dư cuối kỳ	84.292.735.107	438.987.985.188	15.479.825.059	11.039.903.119	276.380.364	550.076.828.837
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	58.864.855.985	76.424.104.501	2.512.160.980	805.800.017	30.937.500	138.637.858.983
Số dư cuối kỳ	55.982.691.077	71.780.853.928	1.854.718.812	542.489.503	24.750.000	130.185.503.320

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 414.339.499.225 VND đã khấu hao hết (1/1/2024: 351.708.450.129 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	232.020.000	2.715.334.724	100.667.889	3.048.022.613
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	232.020.000	2.635.101.390	100.667.889	2.967.789.279
Khấu hao trong kỳ	-	8.299.998	-	8.299.998
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.643.401.388	100.667.889	2.976.089.277
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	-	80.233.334	-	80.233.334
Số dư cuối kỳ	-	71.933.336	-	71.933.336

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 2.965.022.613 VND đã khấu hao hết (1/1/2024: 2.965.022.613 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	12.882.207.253	6.608.512.000
Tăng trong kỳ	19.358.338.559	1.255.823.687
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.165.831.250)	-
Số dư cuối kỳ	26.074.714.562	7.864.335.687

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Máy móc	24.674.714.562	12.482.207.253
Khác	1.400.000.000	400.000.000
	26.074.714.562	12.882.207.253

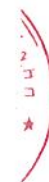
**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế</b> <b>suất</b>	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
▪ Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.414.307.029	1.136.131.101
▪ Khác	20%	1.137.139.664	1.330.385.029
		2.551.446.693	2.466.516.130

**16. Phải trả cho người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	89.527.516.809	106.490.146.458
Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre	50.728.081.572	27.490.499.712
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	35.584.539.138	32.493.664.080
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	23.308.637.652	31.708.120.005
Các nhà cung cấp khác	89.253.941.317	104.178.831.265
	288.402.716.488	302.361.261.520
Số có khả năng trả nợ	288.402.716.488	302.361.261.520



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	89.527.516.809	106.490.146.458
Thai Containers Group Co., Ltd	11.436.485.692	12.926.646.328
PT. Dayasa Aria Prima	2.238.218.261	2.280.930.222
SCG Packaging Public Co., Ltd	743.957.373	2.741.240.504
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	106.960.500	104.597.461
Công ty TNHH Bao bì Vina Corrugated	95.208.480	-
Công ty TNHH Bao bì Vina Corrugated – Chi nhánh Hải Dương	62.695.996	-
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	32.810.400	643.344.768
Công ty TNHH Bao bì AP (Hà Nội)	4.125.000	-
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	1.509.840	52.833.600
PT. Farar Surya Wisesa TBK	-	805.727.076
The Siam Cement Public Co., Ltd	-	260.316.313

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số được hoàn VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.832.210.539	72.920.033.986	(8.163.762.762)	-	(66.259.624.754)	328.857.009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.016.588.217	10.448.143.930	(13.257.218.196)	-	-	5.207.513.951
Thuế thu nhập cá nhân	1.084.543.411	6.544.447.408	(7.208.807.787)	1.677.617.876	-	2.097.800.908
Thuế khác	-	18.696.157	(18.696.157)	-	-	-
	10.933.342.167	89.931.321.481	(28.648.484.902)	1.677.617.876	(66.259.624.754)	7.634.171.868

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	66.268.794.764	(66.259.624.754)	9.170.010

1.66  
 GTY  
 HÂN  
 ) BÌ  
 HÒA

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thương và phụ cấp nhân viên	20.581.651.949	27.041.143.148
Phí quản lý	2.142.197.988	-
Chi phí khác	3.361.797.357	591.941.310
	<hr/>	<hr/>
	26.085.647.294	27.633.084.458
	<hr/>	<hr/>

1/3/2024

1/3/2024

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong kỳ		30/6/2024 VND
	1/1/2024 VND	Tăng VND	
Vay ngắn hạn	33.607.545.793	222.455.509.502	83.206.238.459
Số có khả năng trả nợ	33.607.545.793	(172.856.816.836)	83.206.238.459
Số dư của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:			
		<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2024 VND</b>
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai		VND	83.206.238.459
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH		VND	-
			33.607.545.793
Các khoản vay trên không được đảm bảo.			83.206.238.459
			33.607.545.793



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Không có biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2023.

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Trợ cấp thôi việc VND</b>
Số dư đầu kỳ	5.680.655.507
Dự phòng trích lập trong kỳ	63.049.835
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(58.007.020)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>5.685.698.322</u>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	68.312.127.257	68.312.127.257
Cổ tức (*)	-	-	-	(30.027.902.580)	(30.027.902.580)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2023</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	483.087.313.778	765.641.100.607
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	64.108.708.525	64.108.708.525
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	34.056.442.938	34.056.442.938
Cổ tức (*)	-	-	-	(33.364.336.200)	(33.364.336.200)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.888.129.041	830.441.915.870

(\*) Tại cuộc họp ngày 29 tháng 3 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 33.364 triệu VND (2023: 30.027 triệu VND).

(\*\*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Quỹ này không được trích lập trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2023.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>30/6/2024 và 1/1/2024</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
<hr/>		
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
<hr/>		

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 như sau:

	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94,11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5,89%
<hr/>			
	12.832.437	128.324.370.000	100%
<hr/>			

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd, được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao nhất, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.998.840.548	1.919.877.768
Trong vòng hai đến năm năm	5.442.427.740	5.747.423.840
Sau năm năm	17.846.788.026	17.692.269.240
	25.288.056.314	25.359.570.848

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	21.668	547.158.018	39.065	940.273.884
EUR	262	6.973.000	262	6.906.505
		554.131.018		947.180.389

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.539.192.074	309.416.303
	6.539.192.074	309.416.303

064  
 NG  
 PH  
 AOB  
 VHC  
 I-T.Đ

C. I. M. B. C.  
 H  
 H  
 H MINH

M.S.C.N. 0100  
 CH  
 CÔ  
 THANH

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	681.838.890.694	712.199.181.639
▪ Bán phế liệu	29.547.081.572	25.120.464.446
	711.385.972.266	737.319.646.085
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(118.942.872)	(892.852.663)
▪ Giảm giá hàng bán	(73.326.360)	(158.009.121)
▪ Chiết khấu thương mại	(215.674.098)	(220.774.960)
	(407.943.330)	(1.271.636.744)
	710.978.028.936	736.048.009.341

**26. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	578.828.610.775	576.684.538.710
▪ Phế liệu đã bán	28.033.088.014	24.214.406.782
	606.861.698.789	600.898.945.492

344  
TY  
N  
I  
A  
Đ

12  
II  
IG  
KI  
HC

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	11.308.938.469	16.062.446.602
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	242.427.136	212.418.589
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	96.097.354
	<u>11.551.365.605</u>	<u>16.370.962.545</u>

**28. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.488.344.105	5.019.980.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	164.193.034	161.787.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	461.540.740	-
Khác	-	8.362.999
	<u>2.114.077.879</u>	<u>5.190.131.034</u>

**29. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	23.316.155.581	24.431.202.033
Chi phí nhân viên	21.438.014.427	9.419.171.622
Chi phí quà tặng	390.000.000	498.000.000
Chi phí bán hàng khác	2.745.406.473	1.377.842.313
	<u>47.889.576.481</u>	<u>35.726.215.968</u>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.573.091.355	13.006.873.891
Chi phí thuê đất	1.311.244.602	1.311.244.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.199.259.979	2.474.263.359
Chi phí công cụ và dụng cụ	689.581.331	485.947.161
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	89.161.596	393.433.685
Chi phí khấu hao	283.266.372	483.023.280
Dự phòng trợ cấp thôi việc	63.049.835	89.170.260
Chi phí khác	5.346.824.906	5.155.966.795
	22.555.479.976	23.399.923.033

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	473.652.550.425	469.687.301.607
Chi phí nhân công và nhân viên	103.465.584.888	91.527.630.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.539.317.254	37.379.315.304
Chi phí vận chuyên	23.316.155.581	24.431.202.033
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.540.303.593	18.383.242.492
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	923.903.348	(227.467.676)
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	89.161.596	393.433.685
Dự phòng trợ cấp thôi việc	63.049.835	89.170.260
Chi phí khác	19.716.728.726	18.361.256.353

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	10.448.143.930	18.606.940.033
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(84.930.563)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>10.363.213.367</b>	<b>18.606.940.033</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	44.419.656.305	86.919.067.290
Thuế theo thuế suất của Công ty	8.883.931.261	17.383.813.458
Chi phí không được khấu trừ thuế	505.523.887	232.290.549
Thay đổi chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	973.758.219	990.836.026
	<b>10.363.213.367</b>	<b>18.606.940.033</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	34.056.442.938	68.312.127.257
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>34.056.442.938</b>	<b>68.312.127.257</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, công ty không thể ước tính một cách chính xác số lợi nhuận sẽ được trích lập vào các quỹ này do việc trích lập các quỹ này chưa được các cổ đông thông qua. Nếu Công ty trích lập các quỹ này thì lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	12.832.437	12.832.437
<b>Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>12.832.437</b>	<b>12.832.437</b>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b> <b>The Siam Cement Public Co., Ltd</b> Mua dịch vụ	-	101.250.000
<b>Công ty mẹ</b> <b>TCG Solution Pte. LTD</b> Cổ tức	31.399.126.200	28.259.213.580
<b>Các bên liên quan khác</b> <b>Công ty TNHH Giấy Kraft Vina</b> Bán hàng hóa Mua hàng hóa	14.445.798.540 169.392.348.721	18.018.107.000 156.366.054.900
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành</b> Bán hàng hóa	2.475.919.898	1.694.313.594
<b>Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á</b> Bán hàng hóa Mua hàng hóa	5.223.855.416 210.200.400	4.050.887.045 159.941.768
<b>Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)</b> Bán hàng hóa Mua hàng hóa	- -	1.687.557.955 25.780.575
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân</b> Bán hàng hóa Mua hàng hóa	25.633.098.191 101.381.104	12.034.546.098 198.075.000
<b>Thai Containers Group Co., Ltd</b> Phí quản lý	3.778.058.476	2.891.330.716
<b>Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)</b> Bán hàng hóa Mua hàng hóa	76.240.000 14.640.900	- 279.267.400
<b>PT. Dayasa Aria Prima</b> Mua hàng hóa	19.376.624.406	-
<b>Công ty TNHH Ngói Bê Tông SCG (Việt Nam)</b> Bán hàng hóa	12.000.000	52.700.000

5690  
CÔ  
CÔ  
B/  
31B/  
YHO



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
<b>Công ty TNHH Bao Bì AP (Hà Nội)</b>		
Mua hàng hóa	51.817.009	-
Mua tài sản cố định	-	551.000.000
<b>SCG Packaging Public Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	841.195.088	729.499.636
<b>Công ty Cổ phần Starprint Việt Nam</b>		
Mua hàng hóa	6.552.270	-
Bán hàng hóa	687.590.546	-
<b>Công ty TNHH Bao bì Vina Corrugated</b>		
Mua hàng hóa	101.861.400	-
Bán hàng hóa	6.173.607.731	-
<b>Công ty TNHH Bao bì Vina Corrugated – Chi nhánh Hải Dương</b>		
Mua hàng hóa	58.051.848	-
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	1.785.532.803	2.060.855.485
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
<i>Chủ tịch</i>		
<b>Ông Jakjit Klomsing</b>		
Thù lao	-	-
<i>Phó Chủ tịch</i>		
<b>Ông Sompob Witworrsakul</b>		
Thù lao	-	-
<i>Thành viên</i>		
<b>Ông Hirofumi Hori</b>		
Thù lao	-	-
<b>Ông Toshinobu Sada</b>		
Thù lao	-	-
<b>Ông Amnuay Pattaramongkolkul</b>		
Thù lao	-	-

548493  
 NG TY  
 PHẦN  
 BÌ  
 BIÊN HÒA  
 4-1.6/2024

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Ông Ekarach Sinnarong</b> Thù lao	-	-
<b>Ông Đinh Quang Hùng</b> Thù lao	72.900.000	72.900.000
<b>Bà Saranya Skontanarak</b> Thù lao	64.800.000	64.800.000
<b>Ông Nguyễn Quý Thịnh</b> (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024) Thù lao	36.450.000	72.900.000
<b>Ông Piyapong Jriyasetapong</b> (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024) Thù lao	32.400.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b> Thành viên của Ban Kiểm Soát Thù lao	-	-



### 35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 63/SVI-2024

Biên Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN  
tại báo cáo KQHĐKD bán niên 2024 đã được soát  
xét thay đổi (giảm) trên 10% so với cùng kỳ.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa kính gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM lời chào trân trọng và cảm ơn chân thành về sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian vừa qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (gọi tắt là SOVI. Mã chứng khoán: SVI) xin gửi đến Quý cơ quan giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bán niên 2024 tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được soát xét thay đổi (giảm) trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Bán niên 2024	Bán niên 2023	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD bán niên đã được soát xét	34.056.442.938	68.312.127.257	(34.255.684.319)	(50,15%)

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD bán niên 2024 đã được kiểm toán thay đổi (giảm) trên 10% so với cùng kỳ là 50,15%: Chủ yếu do giá bán giảm mạnh trong khi giá nguyên vật liệu chính (giấy cuộn) không giảm, thậm chí tăng nhẹ. Trên đây là giải trình của SOVI.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: QTHC



EKARACH SINNARONG